

Bản án số: 218/2021/HSPT
Ngày 19/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Nguyễn Huyền Cường.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 935/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 371/2020/HS-ST ngày 19/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

L, sinh năm 1980; ĐKNKTT: Số 236 đường X, phường X1, quận L3, Thành phố Hà Nội; trú tại: Số 124/22/35 đường X, phường L2, quận L3, Thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông L4 và bà L5; tình trạng hôn nhân: Có chồng đã ly hôn là L6 và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm

2012; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị truy nã, đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 02/4/2019 đến ngày 08/4/2019; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L: Luật sư L6 – Văn phòng luật sư L7 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Q2, thành phố Hà Nội nhận được Công văn của bà Q, Trưởng phòng giao dịch Q1 - Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank - tại số 60 phố Q1, quận Q2) tố cáo khách hàng L1 (Sinh ngày 01/7/1981; ĐKNKTT: Thôn S2, xã S1, huyện S, thành phố Hà Nội) sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua Hợp đồng vay tín dụng Ngân hàng số tiền 760.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: L và P có quan hệ bạn bè với nhau. Khoảng tháng 6/2017, P nói với L đang cùng bạn mở Công ty cho thuê xe ô tô và cần vốn để kinh doanh nhưng do P có nợ xấu tại Ngân hàng nên nhờ L đứng tên vay hộ. Tại thời điểm này, L cũng nằm trong diện nợ xấu tại Ngân hàng nên khó có khả năng vay được tiền. Theo quy định của Ngân hàng Sacombank về thủ tục vay tiền, hồ sơ của khách hàng gồm: Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, và giấy tờ chứng minh thu nhập. P bàn với L sẽ làm giả các giấy tờ để hoàn thiện thủ tục vay tiền Ngân hàng mua xe ô tô mang tên L1 gồm: 01 Chứng minh nhân dân số 012076809 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 11/6/2010 mang tên L1 (Sinh ngày 01/7/1981; ĐKNKTT: Thôn S2, xã S1, huyện S, thành phố Hà Nội); 01 sổ hộ khẩu số 241899958 cấp ngày 10/6/2016 mang tên chủ hộ L1, hồ sơ hộ khẩu số 2038; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân độc thân mang tên L1. P yêu cầu L đưa ảnh của L cho P để làm giả chứng minh nhân dân. Do P và L cùng quen biết với chị T, là Giám đốc Công

ty TNHH Xuất khẩu T1 nên P đã nhờ chị T ký Hợp đồng lao động và bảng xác nhận lương cho L.

Cuối tháng 7/2017, P đến Công ty cổ phần G tại số 08 phố G1, phường G2, quận G3 (nay là số 68 phố G4, phường P2, quận G3), thành phố Hà Nội và được nhân viên của Công ty là anh H giới thiệu cho P mua xe ô tô Chevrolet Captiva C140; P đồng ý mua và đặt cọc cho anh H 10.000.000 đồng. Ngày 01/8/2017, L và P đến ký hợp đồng mua xe ô tô Chevrolet Captiva C140 LTZ M116 với Công ty G lấy tên là L1 và làm thủ tục vay mua thế chấp Ngân hàng. Anh H giới thiệu gặp L và P gặp anh N, là nhân viên tín dụng của Sacombank - Chi nhánh 8/3 (Phòng giao dịch Q1) để làm hồ sơ vay tín dụng. Anh N đã liên hệ với khách hàng L để xác nhận nhu cầu vay mua xe trả góp của khách và được L hẹn gặp tại Công ty TNHH T1 tại số 12 ngõ 01 phố N1, quận N2, Hà Nội. Tại đây, Anh N và chị Q, là Trưởng phòng giao dịch Sacombank đã gặp chị T là Giám đốc xác nhận về việc L đang sinh sống và làm việc tại Công ty T1. Khi đó L và P cũng có mặt, L đã đưa cho Anh N Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (giả) để Anh N chụp lại làm hồ sơ tín dụng và kiểm tra dư nợ xấu của khách hàng; L hẹn sẽ nhờ P đưa nốt các giấy tờ khác cho Anh N. Trong hồ sơ vay còn phải có bảng xác nhận lương, hợp đồng lao động của khách hàng do vậy Anh N đã gửi mẫu cho P để hoàn thiện nốt hồ sơ. P đã mang mẫu này ra hàng phô tô để thuê đánh máy lại tên, các thông tin giả của L, sau đó chuyển cho chị T ký, đóng dấu tên Công ty TNHH T1. Tin tưởng và không biết họ tên đầy đủ của L nên chị T đã ký hợp đồng lao động và bảng xác nhận lương mang tên là L1. P đã mang các giấy tờ gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Hợp đồng lao động và Bảng xác nhận lương mang tên L1 đưa cho Anh N.

Ngày 11/08/2017, P và L đến Sacombank Phòng giao dịch Q1 để L ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải hình thành trong tương lai số LD1722200119 với hồ sơ mang tên giả là L1 (Sinh năm 1981; ĐKNKTT: Thôn S2, xã S1, huyện S, thành phố Hà Nội) để được cho vay 80% giá trị xe tương đương 760.000.000 đồng để mua xe ô tô 07 chỗ nhãn hiệu Chevrolet, biển kiểm soát 30-E-771.54; số khung 264EGH939939, số máy

LE9162500161. Sacombank đã giải ngân số tiền 760.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty G. P đưa cho L 180.000.000 đồng nộp tiền đối ứng vào Công ty G để mua xe. Theo quy định, chủ xe sử dụng xe nhưng Ngân hàng giữ Đăng ký xe ô tô số 325774 bản gốc.

Ngày 27/9/2017, L và P đã trả 18.000.000 đồng gốc và lãi cho Sacombank, sau đó L không trả tiền theo hợp đồng đã ký kết. Không liên lạc được với L và P, anh N đã tiến hành xác minh và phát hiện các giấy tờ L và P cung cấp cho Ngân hàng là giả. Anh N cũng đã liên hệ với chị T và biết L không làm việc, sinh sống tại Công ty T1. Ngày 10/11/2017, P liên hệ và hẹn anh N đến Phòng 205/A12 H1, H2 gặp người nhà P lấy 10.000.000 đồng nộp vào tài khoản tiền vay cho khách hàng mang tên L1. Ngày 29/12/2017, P đến Ngân hàng làm việc với chị Q xác nhận việc P hiện đang sử dụng chiếc ô tô Chevrolet Captiva biển kiểm soát 30-E.771-54 và sẽ chịu trách nhiệm trả nợ vay hàng tháng cho L. Cùng ngày, P nộp 36.600.000 đồng vào tài khoản tiền vay của khách hàng L1 để trả tiền lãi tháng 11 và tháng 12/2017. Đến ngày 26/01/2018, P chuyển khoản cho Anh N 15.327.943 đồng để đóng tiền lãi. Chiếc xe ô tô 30-E.771-54 trên P sử dụng và bỏ trốn khỏi nơi cư trú và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội ra Quyết định truy nã số 10/PC03-Đ10 ngày 20/01/2020.

V Đến ngày 09/4/2019, L yêu cầu P viết giấy nhận nợ với nội dung: "P là người nhờ L đứng tên mua trả góp tại Sacombank chiếc xe ô tô Chevrolet Captiva C140, biển kiểm soát 30-E-771.54 với số tiền là 705 triệu đồng. Tôi hẹn 5 năm sẽ hoàn trả số tiền trên cho chị L. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật". Ngày 11/5/2020, P ra đầu thú và khai: Năm 2015, P quen người đàn ông tên B và Đ (P không biết thông tin cụ thể và địa chỉ) qua việc chơi thể thao. B và Đ rủ P làm giả các giấy tờ để vay Ngân hàng mua xe ô tô và thỏa thuận là sau khi lấy được xe sẽ cho thuê xe lấy lãi chia đều cho 03 người, Đ làm giả hồ sơ vay cho P. Tiền đối ứng mua xe ban đầu P góp 50 triệu, Đ và B mỗi người góp 70 triệu và đưa cho P để P mua xe đứng tên L. Cuối tháng 8/2017, sau khi sử dụng giấy tờ giả vay tiền Ngân hàng mua xe ô tô, P giao xe ô tô cho B để cho

thuê; P đã nhận được 22 triệu đồng tiền thuê xe 1 tháng, trong vòng 03 tháng đầu. Các giấy tờ giả như chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu P đã đưa lại cho Đ. Đến nay chiếc xe do B giữ, không rõ ở đâu.

Tại cơ quan điều tra, L khai nhận L là người sử dụng giấy tờ giả để ký hợp đồng vay vốn Ngân hàng mua xe ô tô, còn P chịu trách nhiệm trả nợ khoản vay, L không được hưởng lợi, P là người sử dụng xe ô tô.

Tại Bản kết luận giám định số 27 ngày 03/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội kết luận: Hình dấu tròn “UBND xã S1 Huyện. S TP Hà Nội” trên “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” đề ngày 31/7/2017 xác nhận cho bà L1 không phải là con dấu do UBND xã S1, huyện S, thành phố Hà Nội đóng ra, là hình dấu giả, được tạo ra bằng P pháp in màu kỹ thuật số. Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Đ trên “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” đề ngày 31/7/2017 không phải chữ ký của Nguyễn Văn Đ.

Tại Bản kết luận giám định số 3216 ngày 04/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên L1 (dưới chữ ký) trên các tài liệu Sacombank cung cấp: Hợp đồng tín dụng số LD1722200119 đề ngày 11/8/2017, Hợp đồng thế chấp P tiện vận tải hình thành trong tương lai số LD1722200119/HĐTC đề ngày 11/8/2017, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng đề ngày 16/8/2017, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung đề ngày 16/8/2017, Biên bản đánh giá tài sản thế chấp để vay vốn Ngân hàng đề ngày 11/8/2017, Hợp đồng lao động đề ngày 15/9/2010, Giấy xác nhận lương đề ngày 08/8/2017 là chữ ký, chữ viết của L.

Tại Bản kết luận giám định số 5491/C09-P5 ngày 31/10/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ viết, chữ ký trên giấy nhận nợ cam kết trả tiền cho Ngân hàng ghi ngày 09/4/2019 và trên biên bản làm việc ghi ngày 29/12/2017 là do P ký và viết ra.

Xác minh tại Công an và Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, thành phố Hà Nội xác định: Tại thôn S2, xã S1 không có ai tên là L1, sinh ngày 01/7/1981, không có sổ hộ khẩu số 241899958. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số

45/UBND-XNTTHN ngày 31/7/2017 xác nhận cho L1 do ông Nguyễn Văn Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S1 ký là giả vì ông Nguyễn Văn Đ là Chủ tịch xã từ năm 2010 đến tháng 5/2015, từ tháng 5/2015 chuyển sang làm Phó Bí thư thường trực Đảng ủy xã S1 cho đến nay.

Xác minh tại Công ty cổ phần G xác định: Công ty G có ký hợp đồng mua bán xe ô tô Chervolet Captiva C140 LTZ cho khách hàng L1 ngày 11/8/2017, nhân viên bán hàng là anh H hiện đã nghỉ việc từ tháng 11/2018.

Từ ngày 03/4/2019 đến ngày 10/4/2019, L đã nộp 395.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Ngày 14/01/2020 và ngày 04/02/2020 bà Đào Thị Thanh Hải là mẹ đẻ của bị cáo P đã nộp trả Sacombank 315.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Toàn bộ số tiền gốc 760.000.000 đồng do L đứng tên hồ sơ giả vay mua xe ô tô đã trả hết Ngân hàng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 371/2020/HS-ST ngày 19/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bố: Bị cáo L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017.

V Xử phạt L **06** (Sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp, buộc L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 02/4/2019 đến ngày 08/4/2019).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với Trần Danh P, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2020, bị cáo L có đơn kháng cáo đề nghị giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị :

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình tài liệu giúp công an Phường phát hiện tội phạm nhưng hình phạt đã áp dụng là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo và Luật sư bào chữa thống nhất nội dung đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh khó khăn, một mình nuôi con nhỏ, bố là thương binh và bị cáo đã giúp công an phường K phát hiện tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu; lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; đủ cơ sở khẳng định: Trong tháng 7 và tháng 8/2017, P và L đã sử dụng ảnh của L để làm giả Chứng minh thư nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mang tên L1 (Sinh năm 1981; nơi ĐKNKTT: Thôn S2, xã S1, huyện S, thành phố Hà Nội), Bảng xác nhận lương sau đó làm thủ tục, hồ sơ ký Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp P tiện vận tải hình thành trong tương lai (vay tiền mua xe ô tô) với Ngân hàng. Ngày 11/8/2017, L lấy tên theo Giấy tờ giả là L1 đã ký Hợp đồng tín dụng số LD1722200119 với Sacombank - Phòng giao dịch Q1, Chi nhánh Q3 vay 760.000.000 đồng để mua chiếc xe ô tô Chervolet Captiva C140 LTZ, biển kiểm soát 30E-771.54 của Công ty Cổ phần G . Đến ngày 26/01/2018, P và L đã trả tiền gốc và lãi cho Sacombank được 79.927.943 đồng, sau đó bỏ trốn chiếm đoạt số tiền gốc còn lại là 710.000.000 đồng.

[2] Hành vi gian dối làm giả giấy tờ cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng Sacombank mà các bị cáo P và L thực hiện đã phạm tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2017 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 như cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính đồng phạm; bị cáo L là người giúp sức cho bị cáo P. Bị cáo không trực tiếp làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan nhà nước nhưng được bàn bạc từ trước, chủ động đưa ảnh của mình để làm giả các tài liệu trên sau đó sử dụng tài liệu làm giả thực hiện mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm áp dụng; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình tài liệu về việc giúp công an phường K phát hiện tội phạm - đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; tuy nhiên bị cáo phạm 2 tội, đã được cấp sơ thẩm áp dụng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và mức án đầu khung hình phạt đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Hình phạt đã áp dụng là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi; vai trò, nhân thân của bị cáo L nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

v

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo về việc xin giảm hình phạt của bị cáo L.

1. Tuyên bố bị cáo: L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017.

- Xử phạt bị cáo: L 06 (Sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp, buộc L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 02/4/2019 đến ngày 08/4/2019).

3. Về án phí: Buộc bị cáo L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- CA thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Xuân

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đông

Nguyễn Huyền Cường

Nguyễn Thị N2